TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2023/KDTM-ST
Ngày: 25-9-2023
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Lài.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quang Xẹt;

Ông Trần Anh Dũng.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương *tham gia phiên tòa*: Ông Phạm Văn Giáp, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 46/2023/TLST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 52/2023/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2023/QĐST-DS ngày 08 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH D; địa chỉ: Thửa đất số 175, tờ bản đồ số DC10, đường số 6, Khu công nghiệp Vsip 1, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương; người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 2000; địa chỉ: tầng 11, số 246 C, phường P, Quận 1, Thành phố H; có mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH B; địa chỉ: Lô J18, đường N3, KCN Nam Tân Uyên mở rộng, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương; người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Thức T - Chức vụ: Chủ tịch Công ty kiêm giám đốc; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh Thảo trình bày:

Ngày 12/8/2019, Công ty TNHH D (gọi tắt Công ty D) và Công ty TNHH B (gọi tắt Công ty B) có thoả thuận ký Hợp đồng mua bán số 08-2019/DF-BA

với các nội dung cơ bản sau: Công ty D bán cho Công ty B mặt hàng là các sản phẩm sơn dùng trong công nghiệp sơn phủ; quy cách và số lượng sản phẩm sẽ được liệt kê cụ thể trên đơn đặt hàng gửi cho bên bán trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng này; Công ty D sẽ chốt công nợ và xuất hóa đơn giá trị gia tăng vào cuối tháng; Công ty B có nghĩa vụ thanh toán vào ngày 15 của tháng kế tiếp. Trường hợp chậm thanh toán, Công ty B chịu thêm lãi chậm trả là 12%/năm. Thực hiện theo hợp đồng Công ty D đã giao hàng đúng, đầy đủ và đã xuất các hóa đơn số 0000091 ngày 31/8/2019; số 0000119 ngày 30/9/2019; số 0000137 ngày 31/10/2019 với tổng số tiền là 193.393.000 đồng. Sau khi nhận được hàng và hóa đơn Công ty B không thanh toán cho Công ty D bất kỳ khoản tiền nào. Ngày 11/11/2019, Công ty D gửi Công văn số 0111/CV yêu cầu thanh toán số tiền nêu trên nhưng Công ty B không phản hồi. Tiếp đến, ngày 05/12/2019, Công ty D gửi Công văn số 0112/CV thì Công ty B đã nhận và ông Nguyễn Thức Thuận (người đại diện hợp pháp) xác nhận công nợ với nội dung "Công ty B đã nhận đơn và công văn của Công ty D và hứa thanh toán công nợ tháng 8 vào ngày 15 tháng 12 năm 2019 và 02 tháng kế tiếp sẽ thanh toán tầm tháng 01/2020".

Tuy nhiên, từ khi xác nhận công nợ cho đến nay, Công ty B không thánh toán tiền cho Công ty D. Do đó, Công ty D khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên giải quyết: Buộc Công ty B phải thanh toán cho Công ty D tổng số tiền 270.501.011 đồng, trong đó nợ gốc 193.393.200 đồng; lãi do chậm thanh toán 77.107.811 đồng (mức lãi suất 12%/năm).

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty TNHH D yêu cầu bị đơn Công ty B thanh toán số tiền gốc 193.393.200 đồng và tiền lãi 90.645.335 đồng. Tổng cộng là 284.038.535 đồng.

Đối với Công ty B mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhiều lần bằng phương thức tống đạt trực tiếp, thông báo trên Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân Tối cao, Báo Thanh niên; Đài Tiếng nói Việt Nam và niêm yết tại địa chỉ trụ sở chính theo đăng ký giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nhưng vẫn vắng mặt, nên không thu thập được lời khai.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty D, buộc Công ty B phải trả cho Công ty D số tiền còn nợ và lãi suất theo Hợp đồng mua bán hàng hóa hai bên đã ký.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về tham gia phiên tòa: Bị đơn Công ty B và người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Nguyễn Thức T - chức vụ Giám đốc đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do, căn cứ Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn Công ty B có trụ sở tại phường Hội Nghĩa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 33, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty D thấy: Nguyên đơn Công ty D khởi kiện yêu cầu bị đơn Công ty B về việc thanh toán tiền mua bán hàng trong hợp đồng mua bán hàng hóa đã cung cấp được bản sao hợp đồng mua bán hàng hóa mà các bên đã ký kết, các hóa đơn giá trị gia tăng số 0000091 ngày 31/8/2019; số 0000119 ngày 30/9/2019; số 0000137 ngày 31/10/2019 với tổng giá trị hàng hóa là 193.393.200 đồng, cùng với các biên bản đối chiếu công nợ ngày 05/12/2019 với số tiền còn nợ là 193.393.200 đồng; ngày 06/12/2019 bị đơn, do ông Nguyễn Thức T, giám đốc Công ty B ký tên xác nhận số nợ và cam kết trả nợ, nên đây là những tình tiết, sự kiện rõ ràng không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Song song đó đối chiếu với các hóa đơn giá trị gia tăng, phiếu giao hàng nguyên đơn đã xuất là phù hợp với số lượng hàng hóa và số tiền nợ như nguyên đơn trình bày. Do đó, với những chứng cứ nêu trên có đủ cơ sở xác định bị đơn Công ty B có ký hợp đồng mua bán với Công ty D và chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận, tổng giá trị hàng hóa số tiền 193.393.200 đồng. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải có trách nhiệm trả nợ gốc 193.393.200 đồng như nêu trên là có cơ sở chấp nhận.

[3]. Về lãi suất: Tại điều 306 Luật thương mại có quy định " *Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác."*. Theo Hợp đồng mua bán số 08-2019/DF-BA ngày 18/9/2022 giữa Công ty D và Công ty B thỏa thuận *"Nếu bên mua không thanh toán đúng hạn, thì bên mua phải chịu thêm phần tiền lãi do thanh toán chậm tính trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất 12%/năm tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả. Tiền lãi sẽ được cộng vào công nợ khi thanh toán"*. Như vậy, bị đơn Công ty B đã vi phạm

nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn Công ty D yêu cầu thanh toán tiền lãi với mức lãi suất 12%/năm (tức là 1%/tháng) là có căn cứ chấp nhận. Cụ thể được tính đến ngày xét xử có tổng số tiền lãi là 90.645.335 đồng (Chín mươi triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn ba trăm ba mươi lăm đồng), cụ thể hóa đơn giá trị gia tăng số 0000091 ngày 31/8/2019 tiền lãi 25.850.352 đồng; số 0000119 ngày 30/9/2019 tiền lãi 28.546.155 đồng; số 0000137 ngày 31/10/2019 tiền lãi 36.248.828 đồng. Tổng cộng vốn, lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 284.038.535 đồng (Hai trăm tám mươi bốn triệu không trăm ba mươi tám nghìn năm trăm ba mươi lăm đồng).

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án thì bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Về chi phí tố tụng: Chi phí đăng, tống đạt văn bản trên Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân Tối cao, Báo Thanh niên; Đài Tiếng nói Việt Nam là 7.536.543 đồng *(Bảy triệu năm trăm ba mươi sáu nghìn năm trăm bốn mươi ba đồng);* nguyên đơn đã nộp xong. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, theo quy định tại Điều 169 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn phải nộp số tiền 7.536.543 đồng *(Bảy triệu năm trăm ba mươi sáu nghìn năm trăm bốn mươi ba đồng)* để trả lại cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271, Điều 273, Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ Điều 24; Điều 50; Điều 55; Điều 306 Luật thương mại 2005.
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH D với bị đơn Công ty TNHH B về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá".

2. Buộc Công ty TNHH B có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH D tổng số tiền 284.038.535 đồng (Hai trăm tám mươi bốn triệu không trăm ba mươi tám nghìn năm trăm ba mươi lăm đồng), trong đó tiền gốc 193.393.200 đồng (Một trăm chín mươi ba triệu ba trăm chín mươi ba nghìn hai trăm đồng), tiền lãi 90.645.335 đồng (Chín mươi triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn ba trăm ba mươi lăm đồng).

Khi bản án có hiệu lực, kể từ ngày người được thi hành án nộp đơn yêu cầu tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền phải thi hành thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm:

3.1 Công ty TNHH D không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, được trả lại số tiền 6.762.525 đồng (Sáu triệu bảy trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm hai mươi lăm đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0007573 ngày 14/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

3.2 Công ty TNHH B phải chịu số tiền 14.201.927 đồng (Mười bốn triệu hai trăm lẻ một nghìn chín trăm hai mươi bảy đồng).

3.3 Về chi phí tố tụng: Công ty TNHH B phải chịu số tiền 7.536.543 đồng (Bảy triệu năm trăm ba mươi sáu nghìn năm trăm bốn mươi ba đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Nếu vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- Chi cục THADS thành phố Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Lài